TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2022/HC-PT
Ngày: 05/4/2022

"V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng.

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Bà Lê Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Đào Trọng Thuyết, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 531/2020/TLPT-HC ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc "Khởi kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2020/HC-ST ngày 20/9/2020 của Toà án nhân dân tỉnh L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2272/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. ***Người khởi kiện:*** Bà Vũ Thanh H; Địa chỉ: Tổ 18A, phường B, thành phố L (nay là tổ 14, phường X, thành phố L, tỉnh L). Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Văn Minh N; địa chỉ: Số 16, Lô 3, P, đại lộ T, tổ 15, phường B1, thành phố L, tỉnh L. Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Viết Đ – Công ty TNHH H1 thuộc Đoàn luật sư thành phố H2; Có mặt.

2. ***Người bị kiện*:** Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố L, tỉnh L

Địa chỉ: Số 591, đường H3, phường K, thành phố L, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phùng Đức H4 – Phó Chủ tịch; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

I. Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Người khởi kiện bà Vũ Thanh H, Người đại diện theo ủy quyền của Người khởi kiện ông Văn Minh N trình bày:

Bà H có 61m² đất ở và nhà ở gắn liền với đất và 1.000m² đất vườn tạp tại tổ 18A, phường B, thành phố L (nay là tổ 14, phường X, thành phố L) tại thửa số 79 và 1.000 m² đất vườn tạp tại thửa số 80 trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số N 987236, vào sổ cấp GCN số 000906 ngày 20/7/1999 do UBND thành phố L cấp. Nguồn gốc nhà, đất là do bố, mẹ bà là ông Vũ Văn M và bà Trần Thị T1 tặng cho. Tài sản trên đất ở (thổ cư) có 01 nhà xây cấp IV lợp mái Proximang, nền bê tông có diện tích khoảng 53,4m² và công trình phụ khép kín bằng bê tông 5,4m²; 01 bể nước 8,3m³ xây bằng gạch chỉ 110mm. Tài sản trên đất vườn tạp có bể nước tưới, đổ bê tông cốt thép xây dựng năm 2014, sức chứa 27,1m³ dùng cho phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Năm 2016, UBND thành phố L thu hồi đất để thực hiện dự án Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Công an tỉnh L theo Quyết định thu hồi đất số 1553/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của UBND thành phố L. Sau khi nhận Quyết định giao đất và Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, để nhận được đất tái định cư bà H phải nộp số tiền là 4.000.000đ/m² đất tái định cư, tương đương với 408 triệu đồng/102m² đất được giao. Trong khi đó đất ở bị thu hồi chỉ được tính 1.100.000đ/m² trên cùng địa bàn là quá thấp, không căn cứ vào giá thị trường tại thời điểm thu hồi đất, không có bảng giá đất cụ thể khi thu hồi đất, dẫn đến số tiền chênh lệch bà phải nộp để nhận được đất tái định cư. Bà H và ông Vũ Văn M liên tục làm đơn đề nghị UBND thành phố L và UBND tỉnh L xem xét giải quyết về việc không hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu và nhận được một số công văn trả lời của UBND thành phố L. Trong các lần trả lời đơn trên, nội dung chính là do hộ gia đình bà H do không có tài sản trên đất nên bị coi là không phải di chuyển chỗ ở do đó không được hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu. Xét thấy việc UBND thành phố L trong quá trình thực hiện thu hồi đất có các sai phạm trái quy định của pháp luật như sau:

Thứ nhất, không thống kê đúng và đủ thực trạng đất, nhà ở và tài sản trên đất, việc kê khai áp giá không đúng đối với tài sản trên đất, cụ thể là tài sản trên đất vườn tạp có bể nước tưới đổ bê tông cốt thép sức chứa 27,1m³ dùng cho phục vụ sản suất nông nghiệp. Tài sản này đã kê khai, mô tả đúng hiện trạng nhưng lại áp giá sai, lẽ ra phải áp giá theo khối lượng sức chứa của bể với đơn giá 1.015.000đ/m³, thì lại áp giá khối lượng vật liệu nên chỉ được đền bù tổng số 4.950.694đ. Nếu áp dụng đúng quy định sẽ là: 27,1m³ x 1.015.000đ x 150% = 41.259.750đ, như vậy riêng bể nước này đã thiếu số tiền là: 36.309.056đ.

Thực trạng trên đất của gia đình bà có đầy đủ nhà ở và các công trình phụ trợ phục vụ cuộc sống như chỗ ăn, ngủ, nhà vệ sinh... nhưng không được kiểm kê và thu hồi tài sản riêng của bà theo đúng trình tự thủ tục thu hồi đất do Nhà nước quy định trên nguyên tắc thu hồi đất phải công khai, dân chủ, minh bạch, được quy định tại Điều 74 Luật Đất đai mà tài sản của bà thống kê vào Phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ và tái định cư kèm theo Quyết định số 2033/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của Chủ tịch UBND thành phố L đối với hộ ông Vũ Văn M, bà Trần Thị T1, được ghi tại Phần II, số thứ tự 2 và 15, gồm nhà xây cấp 4 diện tích 53,4m² và bể nước ăn 8,3m³.

Thứ hai, không hỗ trợ tái định cư theo quy định, nguyên nhân không hỗ trợ tái định cư cũng xuất phát từ việc không thống kê nhà ở và tài sản trên đất của bà theo thực trạng. Ngoài ra còn khoản hỗ trợ di chuyển nhà ở cũng chưa được xem xét phê duyệt bồi thường theo quy định.

Thứ ba, xác định không đúng quyền sở hữu tài sản. Bà xây dựng gia đình với ông Nguyễn Trung D đăng ký kết hôn ngày 22/7/2016 bà tiếp tục sử dụng nhà và đất được tặng cho, chăm sóc cây ăn quả cho đến khi Nhà nước thu hồi đất. Ngày 05/3/2016, sau khi tách thửa đất, bố mẹ bà tặng cho 61m² đất ở tại thửa số 79 và 1.000m² đất vườn tạp tại thửa số 80, và đã được cấp GCNQSDĐ. Việc tặng cho hoàn thành trước khi đăng ký kết hôn nên tài sản phải được coi là của riêng cá nhân bà chứ không phải của chung vợ chồng nhưng UBND thành phố L ra các thông báo, quyết định thu hồi đất và cấp đất tái định cư lại ghi hộ gia đình. Theo quy định của Bộ luật Dân sự, Luật Hôn nhân gia đình thì việc UBND thành phố L xác định tài sản thu hồi là tài sản chung của vợ chồng là không đúng.

Thứ tư, Quyết định phê duyệt phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ và tái định cư số 2033/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của Chủ tịch UBND thành phố L là văn bản được ban hành trái thẩm quyền. Theo điểm 2 khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai thì thẩm quyền ra Quyết định này là của UBND thành phố L.

Nay bà H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Hủy Quyết định thu hồi đất số 1553/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của UBND thành phố L.

2. Hủy một phần Quyết định số 2033/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của Chủ tịch UBND thành phố L về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ và tái định cư đối với hộ của bà.

3. Hủy Công văn số 137/UBND-PTQĐ ngày 26/3/2020 của UBND thành phố L về việc trả lời đơn thư của công dân.

4. Buộc UBND thành phố L phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật. Cụ thể là thực hiện lại việc thống kê tài sản nhà ở và các công trình phụ trợ gắn liền với đất, là tài sản hợp pháp của cá nhân bà H. Ban hành lại các quyết định liên quan đến việc thu hồi đất theo đúng trình tự luật

định và đúng với thực tế, thực địa. Phê duyệt hỗ trợ chênh lệch suất tái định cư tối thiểu theo đúng quy định của pháp luật.

II. Người đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện UBND thành phố L trình bày:

Dự án Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Công an tỉnh L được Bộ Công an phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng tại Quyết định số 3925/QĐ-BCA-H41 ngày 18/7/2014. Tổng cục hậu cần - Kỹ thuật Bộ Công an xem xét phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình tại Quyết định số 28/QĐ-H41-H45 ngày 24/02/2016. Hội đồng nhân dân tỉnh L phê duyệt danh mục dự án phải thu hồi đất để sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế xã hội, vì lợi ích quốc gia, công cộng năm 2016 trên địa bàn tỉnh L tại Nghị quyết số 873/2016/NQ-HĐND ngày 31/3/2016; UBND tỉnh phê duyệt giá đất cụ thể để giao đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất tại các dự án trên địa bàn tỉnh L tại Quyết định số 5269/QĐ-UBND ngày 24/11/2017.

Hộ bà H (chồng Nguyễn Trung D) có hộ khẩu tại tổ 18A phường B (chuyển đến ngày 17/02/2014) là chủ thể sở hữu hợp pháp thửa đất số 9 (79), 10 (80) thuộc tờ bản đồ số DC101(P4-48), có diện tích 61m² đất ở (chưa được cấp GCNQSDĐ, có phiếu chuyển thông tin số 400, ngày 24/3/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố), 1.000,5m² đất trồng cây lâu năm (chưa được cấp GCNQSDĐ, có phiếu chuyển thông tin số 399, ngày 24/3/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố); nguồn gốc sử dụng đất nhận cho tặng từ bà Trần Thị T1 (theo Hợp đồng cho tặng do Văn phòng Công chứng Cam Đường, L lập ngày 05/3/2016) tại tổ 18A, phường B (nay là tổ 14, phường X), thành phố L. Bà H có ủy quyền cho ông Vũ Văn M giải quyết các công việc liên quan.

Trên cơ sở hồ sơ dự án được duyệt, các quy định của pháp luật và hồ sơ quản lý đất đai của hộ bà H, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố đã triển khai thực hiện dự án. Biên bản công bố dự án ghi ngày 19/8/2016, Bản tự kê khai quyền sử dụng sở hữu đất đai và tài sản trên đất bị thu hồi ghi ngày 05/12/2016; Biên bản kiểm tra số lượng đất đai, tài sản hoa màu ghi ngày 05/12/2016. Thông báo thu hồi đất số 1186/TB-UBND ngày 04/10/2016 về việc thu hồi đất của hộ bà H để thực hiện dự án Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Công an tỉnh L. Thông báo số 226/TB-PTQĐ ngày 04/10/2016 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố về niêm yết công khai thông báo thu hồi đất để thực hiện công trình Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Công an tỉnh L. Ngày 10/10/2016, Tổng hợp ý kiến thắc mắc, kiến nghị của nhân dân sau thời gian niêm yết, thông báo thu hồi đất chi tiết phục vụ công tác GPMB tại hộ bà H, hộ gia đình nhất trí với số liệu theo thông báo thu hồi đất và không có ý kiến thắc mắc.

Ngày 07/4/2017, Hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư thành phố đã tổ chức họp xét duyệt tư cách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Trung

tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Công an tỉnh L. Tại Biên bản số 27/BB-HĐBTHTTĐC ngày 07/4/2017. STT 11 đã xét duyệt bà H như sau: Bồi thường 100% đất đai, 100% vật kiến trúc, cây cối hoa màu, hỗ trợ theo quy định, giao 01 suất tái định cư theo quy hoạch (khoản 1 Điều 6 NĐ 47/2014-CP). Nội dung này, đã được Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố niêm yết công khai (Thông báo số 128/TB-PTQĐ ngày 14/4/2017, Thông báo số 148/TB-PTQĐ ngày 04/5/2017) và bàn giao cho hộ bà H được thể hiện tại Biên bản ghi ngày 04/5/2017 và bà H đã nhất trí với phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (ông Vũ Văn M ký xác nhận). Đồng thời, tại biên bản kết thúc công khai phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Công an tỉnh L bà H đã nhất trí với phương án chi tiết đề nghị sớm trình UBND thành phố ban hành quyết định phê duyệt kinh phí và quyết định thu hồi đất (Biên bản ghi ngày 11/5/2017 có chữ ký của bà H).

Căn cứ hồ sơ nêu trên, ngày 29/5/2017 UBND thành phố L ban hành Quyết định 1553/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Công an tỉnh L, Quyết định này cũng đã được niêm yết công khai và bàn giao cho bà H theo quy định (Biên bản bàn giao ghi ngày 30/5/2017, có chữ ký xác nhận của ông Vũ Văn M).

Như vậy, UBND thành phố L đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, nội dung thu hồi đất đối với hộ bà H theo quy định của pháp luật. Do vậy, việc bà H yêu cầu Tòa án tỉnh L tuyên hủy Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của UBND thành phố về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Công an tỉnh L là không có cơ sở.

- Ngày 29/5/2017, UBND thành phố L ban hành Quyết định số 2033/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Công an tỉnh L, theo đó hộ gia đình bà H với tổng giá trị là: 246.140.995đ, gồm (bồi thường về đất 97.115.000đ; bồi thường tài sản, vật kiến trúc là 4.950.695đ; bồi thường về cây cối, hoa màu trên đất là: 54.030.300đ; Các chính sách hỗ trợ là: 90.045.000đ).

- Theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của Văn phòng công chứng Cam Đường - L số 531 quyển số: 02.TP/CC-SCC ngày 5/3/2016 của hộ gia đình bà Trần Thị T1 tặng cho bà Vũ Thanh H. Tại mục 1.2 Điều 1 của Hợp đồng có ghi *"Bằng hợp đồng này bên A đồng ý tặng cho bên B, diện tích 1.000m² tại thửa đất số: 80b được tách từ thửa đất số 42, tờ bản đồ số P04-48; Mục đích sử dụng: Vườn"*. Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất của Chi cục thuế thành phố L ngày 12/4/2016 tại mục II loại nhà và cấp nhà ghi không. Do đó bà H chỉ nhận tặng cho quyền sử dụng đất ở và đất trồng cây lâu năm và không có tài sản trên đất.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013 "*Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam*

định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở", hộ bà H thuộc Dự án Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Công an tỉnh L, không phải di chuyển chỗ ở do đó không được hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất ở là đúng quy định.

Vì vậy, việc bà H yêu cầu Tòa án tỉnh L buộc UBND thành phố L thực hiện lại việc thống kê tài sản nhà ở và các công trình phụ trợ gắn liền với đất, là tài sản hợp pháp của cá nhân bà H. Áp giá lại tài sản trên đất. Ban hành lại các quyết định nêu trên theo đúng trình tự luật định và đúng với thực tế; phê duyệt hỗ trợ chênh lệch tái định cư tối thiểu cho bà H là không có cơ sở.

III. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2020/HC-ST ngày 20/9/2020, Toà án nhân dân tỉnh L đã căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116, điểm g khoản 1 Điều 143, khoản 2 Điều 165, khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Điểm c khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai 2013; Điều 22 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu của Người khởi kiện bà Vũ Thanh H về việc hủy Quyết định thu hồi đất số 1553/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của UBND thành phố L và một phần Quyết định số 2033/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của Chủ tịch UBND thành phố L về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ và tái định cư đối với hộ bà Vũ Thanh H.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thanh H về việc buộc UBND thành phố L phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật. Cụ thể là thực hiện lại việc thống kê tài sản nhà ở và các công trình phụ trợ gắn liền với đất, là tài sản hợp pháp của cá nhân bà H. Ban hành lại các quyết định liên quan đến việc thu hồi đất theo đúng trình tự luật định và đúng với thực tế, thực địa. Phê duyệt hỗ trợ chênh lệch suất tái định cư tối thiểu theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/10/2020, người khởi kiện là Vũ Thanh H có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

IV. Tại phiên tòa:

1. Người đại diện theo ủy quyền và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện có cùng quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử hủy Quyết định thu hồi đất số 1553/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của UBND thành phố L; hủy một phần Quyết định số 2033/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của Chủ tịch UBND thành phố L về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ và tái định cư đối với hộ của bà; hủy Công văn số 137/UBND-PTQĐ ngày

26/3/2020 của UBND thành phố L về việc trả lời đơn thư của công dân, thực hiện lại việc thống kê tài sản nhà ở và các công trình phụ trợ gắn liền với đất, là tài sản hợp pháp của cá nhân bà H. Ban hành lại các quyết định liên quan đến việc thu hồi đất.

2. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về chấp hành pháp luật tố tụng:

+ Đơn kháng cáo của người khởi kiện trong thời hạn quy định của Điều 206 Luật Tố tụng hành chính; hình thức đơn tuân thủ quy định của Điều 205 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định Luật Tố tụng hành chính.

+ Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án hành chính theo thủ tục phúc thẩm. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ các quy định của Luật Tố tụng hành chính đối với phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng khác đã được hỏi, đáp, tranh luận, trình bày quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích của mình.

- Xét nội dung kháng cáo thấy:

+ Về việc UBND thành phố L không bồi thường tài sản trên đất và không hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu: Căn cứ hồ sơ kê khai bồi thường; hợp đồng tặng cho tài sản không thể hiện có tài sản trên đất. Tại thời điểm thu hồi đất thì bà H đang cùng chung hộ khẩu với chủ hộ là bà Trần Thị T1 (mẹ đẻ bà H) có địa chỉ tại Tổ 18, phường B (nơi có đất bị thu hồi). Do bà H không phải là hộ độc lập, không có nhà ở trên đất nên không thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở và đủ điều kiện hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 47/2014; điểm c khoản 3 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013. Khi nhận tiền bồi thường, ông M nhận thay bà H và bàn giao đất cho dự án từ năm 2017. Cả ông M và bà H đều không có khiếu nại về các nội dung trên. Do đó, Bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện này của bà H là có cơ sở.

+ Về đối tượng được cấp đất tái định cư: UBND thành phố L cho rằng hộ gia đình bà H (cùng chồng con) là không đúng bởi hợp đồng tặng cho tài sản giữa bố mẹ bà H và cá nhân bà H thời điểm bà H chưa kết hôn (tặng cho tài sản ngày 05/3/2016; bà H kết hôn ngày 22/7/2016). Bản án sơ thẩm nhận định hợp đồng tặng cho sau khi kết hôn nên là tài sản chung là không đúng. Vì vậy, việc bác yêu cầu khởi kiện này của bà H là không đúng nên cần phải sửa bản án sơ thẩm về nội dung này.

+ Đối với Quyết định giao đất số 128 ngày 11/01/2018 cho hộ gia đình bà H, hiện nay chưa được cấp GCNQSD đất nếu giữ nguyên quyết định này sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H nên cần đính chính quyết định giao đất như ý kiến của UBND thành phố L tại Biên bản đối thoại ngày 11/8/2020 giữa người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thanh H là ông Văn Minh N với đại diện theo ủy

quyền của UBND thành phố L. Các nội dung kháng cáo khác không có cơ sở nên cần được giữ nguyên.

Từ những viện dẫn và phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện bà Vũ Thanh H. Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh L theo hướng kiến nghị UBND thành phố L đính chính Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 về việc giao đất cho hộ bà Vũ Thanh H như quan điểm của UBND thành phố L tại Biên bản đối thoại ngày 11/8/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Phùng Đức Hòa - Phó Chủ tịch UBND thành phố L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt người bị kiện.

[2] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo Đơn khởi kiện, bà Vũ Thanh H khởi kiện Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của UBND thành phố L về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Công an tỉnh L và buộc UBND thành phố L thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật. Đây là quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

Tại bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Văn Minh N có bổ sung những vấn đề yêu cầu Tòa án giải quyết là hủy một phần Quyết định số 2033/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của Chủ tịch UBND thành phố L về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ và tái định cư đối với hộ bà H và Công văn số 137/UBND-PTQĐ ngày 26/3/2020 của UBND thành phố L về việc trả lời đơn thư của công dân. Xét thấy trong Đơn khởi kiện bà H khởi kiện đối với người bị kiện UBND thành phố L, tuy nhiên Quyết định số 2033/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 bà H cho rằng là Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố L. Theo đó yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2033/QĐ-UBND là yêu cầu khởi kiện đối với người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố L. Ngoài trình bày trong bản tự khai và trong phiên họp đối thoại thì bà H không có đơn khởi kiện bổ sung đối với quyết định này, vì vậy Tòa án không thụ lý bổ sung đối với yêu cầu này. Tuy nhiên, xét thấy Quyết định số 2033 là quyết định liên quan đến quyết định thu hồi đất bị kiện nên Tòa án vẫn xem xét.

Đối với văn bản trả lời đơn số 137/UBND-PTQĐ ngày 26/3/2020, đây là căn cứ chứng M việc người bị kiện không thực hiện hành vi hành chính mà người khởi kiện đang yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, vì vậy đây không phải quyết định hành chính bị kiện.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện:

[3.1]. Đối với yêu cầu khởi kiện về việc hủy Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của UBND thành phố L về việc thu hồi đất và Quyết định số 2033/QĐ-UBND ngày 29/5/2017.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thấy rằng ngày 29/5/2017 UBND thành phố L ban hành Quyết định số 1553/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Công an tỉnh L và Quyết định số 2033/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo bảng áp giá phê duyệt chi tiết. Ngày 30/5/2017, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố L đã bàn giao Quyết định số 1553/QĐ-UBND và Quyết định số 2033/QĐ-UBND cho bà H, tại biên bản bàn giao có ông Vũ Văn M (là bố đẻ của bà H), đại diện hộ gia đình ký thay. Trong Đơn khởi kiện, bản tự khai bà H, người đại diện theo ủy quyền cũng đều trình bày trong khoảng thời gian năm 2016 - 2017 nhận được Quyết định số 1553 và Phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ và tái định cư số 2033, không có ý kiến gì về việc ông Vũ Văn M ký thay trong Biên bản bàn giao ngày 30/5/2017. Bà H cho rằng chỉ nhận được bản Phương án chi tiết bồi thường và không nhận được phần Quyết định phê duyệt số 2033 kèm theo phương án nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng M. Biên bản bàn giao ngày 30/5/2017 thể hiện việc bàn giao Quyết định số 2033, do đó có đủ căn cứ xác định ngày 30/5/2017 người khởi kiện bà H đã nhận được các Quyết định số 1553/QĐ-UBND và Quyết định số 2033/QĐ-UBND của UBND thành phố L. Đối với các quyết định này thì bà H cũng có Đơn khiếu nại, UBND thành phố L đã có Thông báo về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại do hết thời hiệu.

Ngày 05/5/2020, bà Vũ Thanh H có đơn khởi kiện. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính thì thời hiệu khởi kiện đã hết.

[3.2] Đối với yêu cầu khởi kiện buộc UBND thành phố L thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật, cụ thể là thực hiện lại việc thống kê tài sản nhà ở, công trình phụ gắn liền với đất và phê duyệt hỗ trợ chênh lệch suất tái định cư tối thiểu theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/01/2018, UBND thành phố L ban hành Quyết định số 128/QĐ-UBND về việc giao đất cho hộ bà H là hộ di chuyển Dự án Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Công an tỉnh L.

Ngày 29/01/2018, Phòng TN&MT thành phố L có Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 42 đối với hộ bà H.

Bà H cho rằng sau khi nhận được các văn bản trên thì mới biết phải nộp số tiền quá lớn để nhận được đất tái định cư. Do đó bà H và bố đẻ là ông Vũ Văn M đã làm đơn đề nghị UBND thành phố L và UBND tỉnh L xem xét giải quyết về việc không hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu và nhận được các công văn trả lời. Văn bản số 137/UBND-PTQĐ ngày 26/3/2020 của UBND thành phố L trả lời đơn đề nghị của công dân đã xác định hộ bà H không phải di chuyển chỗ ở nên không đủ điều kiện để hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu theo quy định. Xét thấy, Văn bản số 137/UBND-PTQĐ ngày 26/3/2020 là căn cứ xác định việc UBND thành phố L không thực hiện hành vi hành chính cụ thể là không hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu cho hộ bà H. Yêu cầu khởi kiện hành vi hành chính buộc UBND thành phố L phê duyệt hỗ trợ chênh lệch suất tái định cư tối thiểu đối với hộ bà H trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện hành vi hành chính trên có liên quan đến các Quyết định hành chính bị kiện khác, cụ thể là Quyết định số 1553/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 2033/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ và tái định cư. Vì vậy, mặc dù thời hiệu khởi kiện đối với các quyết định này đã hết nhưng Tòa án vẫn xem xét.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện về việc hủy Quyết định số 1553/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 2033/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ và tái định cư.

[4.1]. Về thẩm quyền:

- Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Công an tỉnh L do UBND thành phố L ban hành là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013.

- Quyết định số 2033/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ và tái định cư công trình Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Công an tỉnh L được ban hành cùng ngày với Quyết định thu hồi đất số 1553/QĐ-UBND.

[4.2] Về trình tự, thủ tục:

Dự án Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Công an tỉnh L được Bộ Công an phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng tại Quyết định số 3925/QĐ-BCA-H41 ngày 18/7/2014. Tổng cục hậu cần - Kỹ thuật Bộ Công an xem xét phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình tại Quyết định số 28/QĐ-H41-H45 ngày 24/02/2016. Hội đồng nhân dân tỉnh L phê duyệt danh mục dự án phải thu hồi đất để sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế xã hội, vì lợi ích quốc gia, công cộng năm 2016 trên địa bàn tỉnh L tại Nghị quyết số 873/2016/NQ-HĐND ngày 31/3/2016; UBND tỉnh phê duyệt giá đất cụ thể để giao đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất tại các dự án trên địa bàn tỉnh L tại

Quyết định số 5269/QĐ-UBND ngày 24/11/2017.

Ngày 19/8/2016, UBND thành phố L đã tổ chức họp để công bố quy hoạch và triển khai thực hiện công tác giải phóng mặt bằng; Ngày 04/10/2016, UBND thành phố L ban hành Thông báo số 1186/TB-UBND thông báo thu hồi đất để thực hiện Dự án Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Công an tỉnh L. Ngày 05/12/2016, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố L tiến hành kiểm tra số lượng đất đai, tài sản, hoa màu. Ngày 07/4/2017, Hội đồng BTHTTĐC thành phố đã tổ chức họp xét duyệt tư cách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Công an tỉnh L. Ngày 29/5/2017, UBND thành phố L ban hành Quyết định số 1553/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Công an tỉnh L. Cùng ngày, UBND thành phố L ban hành Quyết định số 2033/QĐ-UBND phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Như vậy, trình tự, thủ tục thu hồi đất, phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ bà H được thực hiện đúng quy định tại Điều 69 Luật Đất đai 2013.

[4.3]. Về nội dung: Người khởi kiện bà H cho rằng UBND thành phố L trong quá trình thu hồi đất đã có sai phạm như không thống kê đúng và đủ thực trạng đất, nhà ở và tài sản trên đất.

Xét thấy, sau khi có Thông báo thu hồi đất của UBND thành phố L đối với hộ bà H, UBND phường B (nay là phường X) đã phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng triển khai thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai 2013. Tại Biên bản kiểm tra số lượng đất đai, tài sản, hoa màu ngày 05/12/2016, bản khai quyền sử dụng sở hữu đất đai và tài sản trên đất bị thu hồi cho dự án, bảng tổng hợp thu hồi đất ngày 05/12/2016 đều có chữ ký xác nhận của ông Vũ Văn M (người được ủy quyền) trong đó thể hiện diện tích đất thu hồi là đất ở (thửa 9 (79), tờ bản đồ DC 101-P04-48), diện tích 61m^2, chưa được cấp GCNQSDĐ, có phiếu chuyển thông tin và không có tài sản trên đất.

Nguồn gốc diện tích đất của bà H bị thu hồi là do nhận tặng cho từ bố mẹ đẻ theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 05/3/2016 giữa bên tặng cho bà Trần Thị T1, ông Vũ Văn M với bên được tặng cho bà Vũ Thanh H. Hợp đồng được công chứng theo quy định của pháp luật. Sau khi ký hợp đồng, các bên chưa làm thủ tục để sang tên trên GCNQSDĐ. Theo Hợp đồng này thì bà H chỉ được tặng cho quyền sử dụng đất, không có tài sản gắn liền trên đất. Tại Biên bản thẩm tra việc cho tặng quyền sử dụng đất cũng xác định hiện trạng thửa đất, tài sản trên đất là đất trống, biên bản có chữ ký của bà H là hộ nhận cho tặng và bà Trần Thị T1 là hộ cho tặng và thành phần thẩm tra của UBND phường B.

Từ những phân tích trên xét thấy UBND thành phố L không bồi thường tài sản trên đất và không hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu là đúng.

[4.4] Xét thấy việc UBND thành phố L thực hiện thu hồi đất của hộ bà Vũ Thanh H đã tuân thủ các quy định của Luật Đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn. Việc Chủ tịch UBND thành phố Lao Cai ban hành Quyết định 2033/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 phê duyệt phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ và tái định cư là có sai sót về thẩm quyền, lẽ ra quyết định này phải do UBND thành phố L ban hành tuy nhiên quyết định này được ban hành đúng trình tự, thủ tục và nội dung đảm bảo quy định của pháp luật. Do đó không cần thiết phải hủy quyết định này, tuy nhiên, UBND thành phố L cần rút kinh nghiệm trong quá trình bàn hành văn bản.

[5]. Về đối tượng được cấp đất tái định cư:

Về nguồn gốc đất của bà Vũ Thanh H do bố mẹ tặng cho con. Cũng tại Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính đối với đất cấp tái định cư cho bà H (BL124-125) đã xác định đất của bà H có nguồn gốc được tặng cho và trong hồ sơ đền bù đã có Hợp đồng tặng cho tài sản giữa bố mẹ bà H và cá nhân bà H (tại thời điểm này bà H chưa kết hôn: Tặng cho tài sản ngày 05/3/2016; kết hôn ngày 22/7/2016). Việc UBND thành phố L xác định nguồn gốc đất là do tặng cho cá nhân nhưng lập hồ sơ thu hồi, đền bù và giao đất tái định cư cho hộ gia đình là không chính xác, không đúng đối tượng, ảnh hưởng đến lợi ích của bà H. Bản án sơ thẩm (trang 11 - BL278) nhận định hợp đồng tặng cho sau khi kết hôn nên là tài sản chung là không đúng với các tài liệu có trong hồ sơ, mà cần phải xác định đây là tài sản riêng của bà H.

Đối với Quyết định giao đất số 18/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 cho hộ gia đình bà H, hiện nay chưa được cấp GCNQSDĐ nếu giữ nguyên quyết định này sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H. Tại khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013... ghi "*Hộ gia đình sử dụng đất là những người cỏ quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất"* nên UBND thành phố L cần phải có quyết định đính chính đối với Quyết định giao đất số 128 ngày 11/01/2018 từ giao cho hộ gia đình bà Vũ Thanh H thành cho bà Vũ Thanh H theo đúng nội dung biên bản đối thoại giữa người khởi kiện và đại diện UBND thành phố L (BL155) có trong hồ sơ.

[6]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà Vũ Thanh H không phải chịu tiền án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên; Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Vũ Thanh H về quyền sở hữu tài sản riêng.

2. Kiến nghị UBND thành phố L đính chính lại Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 của UBND thành phố L với nội dung: từ "giao đất cho hộ bà Vũ Thanh H" thành "giao đất cho bà Vũ Thanh H".

3. Giữ nguyên các quyết định tại Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2020/HC-ST ngày 20/9/2020 của Toà án nhân dân tỉnh L.

4. Hoàn trả lại cho bà Vũ Thanh H 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo Biên lai số 0001577 ngày 19/10/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh L (do ông Vũ Văn M nộp).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- UBND thành phố L;
- Cục THA dân sự tỉnh L;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Bùi Xuân Trọng